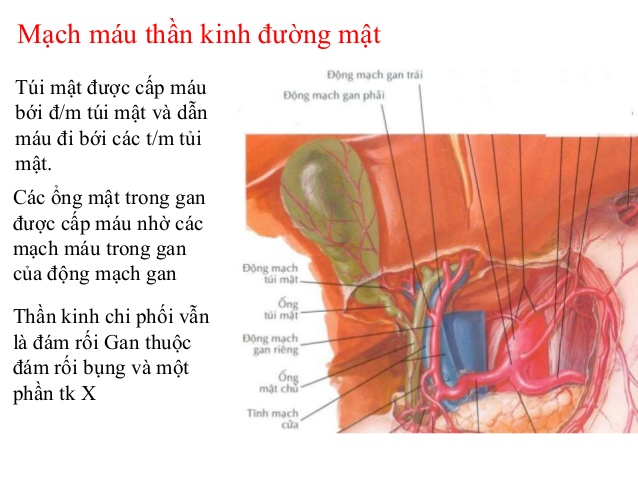
GIẢI PHẪU

1. **Các thành phần tạo nên tam giác vai tam đầu là**
2. cơ tròn lớn, cơ tròn bé, đầu dài cơ tam đầu
3. …
4. **TK đùi chi phối cho cơ nào**
5. Cơ lược
6. Cơ thon
7. Cơ khép ngắn
8. Cơ khép dài
9. Cơ khép lớn
10. **Câu nào sau đây về ĐM trụ là sai**
11. ở cẳng tay đi nông hơn ĐM quay
12. cho nhánh gian cốt chung
13. nằm phía trong TK trụ
14. **thành phần đi qua tam giác cánh tay tam đầu**
15. TK quay
16. ĐM mũ cánh tay trước
17. ĐM mũ cánh tay sau
18. ….
19. **Thành của nách chọn câu sai**
20. Thành sau là các cơ vai
21. Thành trước có cơ răng trước
23. Chọn câu đúng về khoang sau cẳng chân
24. ĐM mác đi cùng TK mác sâu
25. Giới hạn bởi vách gian cơ sau
26. ĐM chày sau đi cùng TK chày
28. **Thân dưới đám rối cánh tay được tạo từ rễ:**
29. C4 C5 C6
30. C7
31. C8 D1
33. **ĐM nào là nhánh bên của ĐM đùi**
34. Gối xuống
35. Gối giữa
36. Gối trên trong
38. **Đường phân chia trung thất trên và dưới đi qua**
39. C4-C5
40. D4-D5
41. **Phía sau nhĩ trái liên quan**
42. Thực quản

45. **Thành phần nào không thuộc trung thất sau**
46. Thực quản
47. ĐM chủ lên
48. ống ngực
49. TM đơn
50. TM bán đơn
51. **Câu nào sai về thực quản**
52. Đi từ trung thất trên xuống trung thất sau
53. ở trung thất sau nằm lệch phía sau và bên phải so với ĐM chủ ngực
54. qua khỏi cơ hoành đi về phía trái
55. chui qua cơ hoành ngang đốt sống ngực 8 => D10 bên Trái ~ Tâm vị
56. **Thành phần nào không đi qua rốn phổi**
57. DC phổi
58. ĐM phổi
59. Phế quản chính
60. ĐM phế quản
61. TK phổi
62. **ở rốn phổi trái ĐM phổi nằm ở vị trí**
63. trên PQ chính trái
64. trước
65. sau
66. …
67. **Ngách màng phổi là**
68. Góc nhị diện bởi 2 màng phổi thành
69. Giữa màng phổi thành và màng phổi tạng
70. **Cấu trúc gì có cả ở mặt hoành lẫn mặt ức sườn của tim**
71. Rãnh vành
72. TM tim lớn
73. …
74. **Đi cùng với ĐM gian thất sau trong rãnh gian thất sau là**
75. TM tim lớn
76. TM tim giữa
77. TM tim bé
78. TM tim trước
79. **Khe dọc trái mặt tạng của gan được tạo bởi**
80. Khuyết dây chằng tròn và khe dây chằng TM
81. Hố túi mật và TM chủ dưới => Khe dọc Phải
83. **Câu nào đúng về OMC**
84. Nằm bên trái ĐM gan chung (bên P ĐMG chung)
85. Nằm phía trước TM cửa
87. **Câu nào sai về tá tràng**
88. Phần lớn dính vào đầu tụy
89. Có lỗ đổ của OMC chủ ở thành ~~sau~~ D2 => thành trong.
90. Có đk lớn nhất trong các phần của ruột non
91. **Nhánh của ĐM mạc treo tràng trên là**
92. Tụy lưng
93. Tụy dưới
94. Tá tụy trên trước
95. Tá tụy trên sau
96. Tá tụy dưới trước (và dưới sau)
97. **ĐM vị mạc nối phải là nhánh của**
98. ĐM gan riêng
99. Đm vị tá
100. ĐM lách
101. **Khuyết góc là**
102. Góc giữa phần đứng và phần ngang bờ cong nhỏ
103. Giữa tâm vị và đáy vị
105. **Rễ mạc treo ruột non không đi qua**
106. Tá trạng
107. Niệu quản T => đi qua Niệu quản P
108. ĐM chủ bụng
109. TM chủ dưới
110. **ĐM tụy lớn là nhánh của**
111. Đm lách
112. ĐM MTTT
113. ĐM vị tá
114. **Các nhánh của ĐM thân tạng là**
115. ĐM gan cung, vị trái, lách

SINH DI TRUYỀN

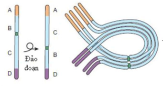
1. **Chức năng phù hợp với protein dược mã hóa bởi proto-oncogens, chọn câu sai**
2. Yếu tố phiên mã
3. Thành phần đường dẫn truyền tín hiệu
4. Enzyme sữa lỗi DNA
5. Yếu tố tăng trưởng và thụ thể
6. **TP53 là**
7. Caretaker gene
8. Gatekeeper Gene
9. Onco-genes
11. **Gen nào nằm trên NST số 17 liên quan đến mô hình two-hit, mất dị hợp tử 🡪 ung thư**
12. TP53
13. RB (NST số 13)
14. RET
15. RAS
17. **Bé 1 tuổi bị u nguyên bào võng mạc 1 bên mắt, tiền căn gia đình bình thường, bệnh này liên quan đến đột biến gen**
18. RB
19. TP53
21. **U nguyên bào võng mạc rải rác (ko có đột biến trong tb mầm)**
22. Luôn bị 1 bên mắt
23. Bị 1 hoặc 2 bên mắt
24. Kèm ung thư nơi khác
25. Đa ổ
26. **Điều gì là chìa khóa cho sự bất tử các tb ung thư**
27. Bất hoạt telomerase
28. Tái hoạt hóa telomerase
29. Đột biến ở telomere
31. **Hậu quả của chuyển đoạn trong ung thư tạo ra (ko chắc!!!)**
32. Vừa protein bt vừa protein bất thường do kết hợp gene trên 2 NST
33. mARN đột biến
34. giảm tạo protein
36. **Người nào không được xếp vào nhóm nguy cơ cao của ung thư**
37. Có 1 người thân 1st khởi phát sớm
38. 2 người 2nd sớm
39. 1 người 1st và 1 người 2nd
40. 3 người 2nd
41. 2 người 2nd ko rõ thời điểm khởi phát => nguy cơ vừa
42. Chị A là người lành có đột biến gen lặn trên NST thường kết hôn với anh C chưa rõ kiểu gen. biết tần số mang gen trong dân số là 1/30. Hỏi con 2 người có nguy cơ mắc bệnh là bao nhiêu
43. 1/30
44. 1/120 = ¼ x 1/30
45. 1/240
46. **Ưu điểm của FISH**
47. Phát hiện được các đột biến phối hợp ko
48. Trả kết quả trong vòng 1h 24h
49. Có thể làm trong metaphase hay interphase đều được

Ưng dụng: phát hiện vi mất đoạn – bệnh PraderWilli/Angelman

1. **Kỹ thuận karyotype**
2. Phát hiện mất đoạn <2MB >10MB
3. Không cần sốc nhược trương có dùng KCL
4. Bắt TB ở kì giữa
5. Không cần nuôi cấy
6. **Dùng hóa chất gì để ngưng TB phân chia ở kì giữa**
7. Colchicine
9. **Giải trình tự là tìm trình tự của (Sanger)**
10. Đường ribose
11. Phosphate
12. base của ADN
13. base của mARN
14. **câu nào đúng về tâm động**
15. gồm nhiều chuỗi AND có trình tự lặp lại
16. không chứa protein
17. giúp phân biệt các NST có kích thước tương tự nhau
18. đảm bảo sao mã hoàn tất và giúp định vị NST
20. Tương tự một câu cho telomere
21. **NST có biến thể tăng chiều dài đoạn stalk thuộc Satellites có kí hiệu là**
22. qs+
23. pstk+
24. cenh+
25. qstk+
26. ps+

p: chiều dài ; stk: Stalk

1. **NST có stalk và Satellites là những NST thuộc nhóm**
2. Tâm giữa
3. Tâm gần giữa
4. Tâm đầu

7. đây là đột biến kiểu gì
8. Đảo đoạn quanh tâm
9. Đảo đoạn cạnh tâm


13. **HC Prader Wili và Angelman thường do nguyên nhân chủ yếu nào**
14. **Vi mất đoạn**  => FISH
15. Đột biến điểm
16. Di truyền theo dòng cha/mẹ

19. **Bất sạn sụn rất hiếm gặp thể đồng hợp trội vì**
20. Cá thể biểu hiện bệnh nặng và thường chết sớm
21. Cha mẹ dị hợp tử hiếm khi lấy nhau
22. Đây là bệnh rất hiếm gặp
24. Chưa rõ nguyên nhân
25. **Phương pháp nào không áp dụng để nghiên cứu di truyền học người**
26. Giải trình tự gen
27. Phả hệ
28. Lai phân tích :]]]
29. Đồng sinh
31. **Hiểu biết về di truyền học giúp gì cho y học hiện đại**
32. Chẩn đoán, tham vấn và phòng ngừa, điều trị một số bệnh di truyền

35. **Câu nào sau đây là đúng với bệnh di truyền ty thể**
36. chỉ liên quan đến cơ quan vận động và thần kinh
37. không bị ảnh hưởng bởi các gen trong nhân
38. di truyền hoàn toàn cho thế hệ sau

41. **Thalassamie là bệnh do**
42. di truyền
43. môi trường
44. di truyền + môi trường
45. đa yếu tố di truyền > môi trường
46. đa yếu tố môi trường > di truyền
47. **Bệnh di truyền theo kiểu chéo, mẹ là người mang gen, con trai biểu hiện bệnh**
48. Trội NST thường
49. Lặn NST thường
50. Trội NST X
51. Lặn NST X

SINH LÝ

1. Đời sống trung bình của hồng cầu trong cơ thể
2. 1 tháng
3. 2 tháng
4. 3 tháng
5. 4 tháng
6. 5 tháng
7. Diện tích màng phế nang mao mạch người trưởng thành trung bình bao nhiêu???
8. 70 m2
9. 90 m2
11. 1 BN bị u phổi, tắc nghẽn hoàn toàn phế quản bên trái, phù phổi cấp làm dày màng phế nang mao mạch gấp 2. Khả năng khuếch tán sẽ bị giảm bao nhiêu
12. 0%
13. 25%
14. 50%
15. 100%
16. 150%
17. BN bị u phổi tắc nghẽn 1 phần phế quản trái, hỏi nồng độ khí phế nang bên bị tắc nghẽn thuộc điểm nào trên đồ thị sau
18. A
19. B
20. C
21. D
22. E























47. Giống sách trắc nghiệm sinh lý 2018 của những bài có trong đề cương

HÓA SINH LÂM SÀNG

1. **Câu nào đúng về các xét nghiệm chức năng gan**
2. Phản ánh gan hoạt động tốt như thế nào
3. Giá trị bất thường luôn gây ra bởi bệnh gan
4. Có thể bình thường ở BN gan tiến triển nặng

7. **Xét nghiện chức năng gan không được dùng để**
8. Tầm soát bệnh gan
9. Theo dõi hiệu quả điều trị
10. Theo dõi diễn tiến bệnh gan
11. Chẩn đoán bệnh gan
12. Phản ánh độ nặng bệnh gan
13. **Không có trong thang điểm child pugh**
14. Phù chân
15. Báng bụng
16. Não gan
17. Bil
18. Prothrombin time
19. **Thang điểm nặng nhất của bệnh gan theo phân loại Child-Pugh**
20. A
21. B
22. C
23. D
24. E
25. **Men nào của gan giúp chuyển glycogen thành đường mà các nơi khác ko có**
26. Glucose 6 phosphatase

29. **Chức năng chuyển hóa lipid của gan**
30. Gan tạo ra thể ceton
31. Gan ko sử dụng ceton
32. Sản xuất ra thể ceton khi đói kéo dài, ĐTĐ, nghiện rượu nặng
33. Ceton có tính acid nên nếu tăng sẽ bị toan CH
34. Tất cả đúng
35. **Câu nào sai về transaminase??? (đã tìm hiểu)**
36. ALT chủ yếu ở bào tương
37. **AST nồng đồ cao nhất ở gan**
38. có isoenzyme đặc hiệu cho mô (ex: ALP, CKMB,…)
39. là các isoenzyme khác nhau về miễn dịch (ko có thông tin về miễn dịch)
40. AST ở gan có nguồn gốc chủ yếu từ ti thể
41. **Tăng transaminase trong bệnh gan nhiễm mỡ do rượu**
42. **AST<8 lần GHBTT**
43. AST và ALT <4 GHBTT (gan nhiễm mỡ: AST ALT ko tăng or tăng nhẹ, do rượu: tăng 3-4 lần)


47. **Chọn câu đúng** lạy!!!
48. **Phản ứng diazo: bil TT ước lượng quá mức nồng độ bil LH**
49. Phản ứng diazo không còn được sử dụng
50. Sắc kí lỏng hiệu năng cao: Bil LH chiếm khoảng 30% bil TP
51. Hóa học thuốc thử khô: gần 100% Bil trong huyết thanh là Bil TT
52. **Yếu tố nào không liên quan tổng hợp Albumin**
53. Tình trạng dinh dưỡng
54. Áp lực keo huyết thanh
55. Cytokine
56. Hormone
57. **Thể tích huyết tương**

Ko chắc!!!